

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-08-2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La

2. Bà Ngô Thị Mai.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Hai Huân xã Thanh Phong huyện Như Xuân tỉnh Thanh Hoá

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Sỏi, xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

**\* Người đại diện theo uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án của chị Lê Thị N:** Anh Phạm Đức T, sinh năm 1987. Địa chỉ Thôn Thị xã Mỹ Hà huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang Vắng mặt

*(Chị N, anh Q vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Q trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Hưng, huyện

Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang vào ngày 25/02/2011. Sau khi kết hôn và tổ chức lễ cưới, chị về nhà anh Q làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình anh Q tại Thôn Sỏi, xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ đầu năm 2020 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con và có sử dụng ma túy. Do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, để tránh căng thẳng và xung đột nên từ tháng 8 năm 2020 chị về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Hai Huân, xã Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá sinh sống từ đó cho đến nay. Hiện vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, chị xác định cuộc hôn nhân không thể hàn gắn được, chị không còn tình cảm với anh Q. Do vậy đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Giữa chị và anh Nguyễn Văn Q có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền Châm, sinh ngày 24/8/2011 và Nguyễn Thanh Hải, sinh ngày 16/11/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị tại Thôn Hai Huân, xã Thanh Phong, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Khi ly hôn, chị đề nghị Toà án giao cả 02 con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện chị đang đi làm công nhân công ty may ở gần nhà, mức thu nhập bình quân 8.000.000đ - 10.000.000đ/tháng đảm bảo cuộc sống của cả 03 mẹ con. Các con đều được đi học đầy đủ, sức khoẻ phát triển tốt. Chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay, chị đang ở Thanh Hoá, xa trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang nên uỷ quyền cho anh Phạm Đức T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Thị, xã Mỹ Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 21/6/2022 như sau:* Anh và chị N đăng ký kết hôn ngày 25/01/2011 tại UBND xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Từ đầu năm 2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do khi đó anh đi làm ăn ở Lạng Sơn thì chị N ở nhà ghen tuông anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Anh thừa nhận có đánh chị N nhưng không thừa nhận việc thường xuyên rượu chè, nghiện ma túy như chị N trình bày. Vợ chồng ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Chị N đưa con về nhà ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị N) sinh sống. Chị N

khởi kiện xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, lý do anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng đã có 02 con chung, anh không muốn các con phải sống trong cảnh không có bố hoặc không có mẹ. Giữa anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Thị Huyền Châm, sinh ngày 24/8/2011 và Nguyễn Thanh Hải, sinh ngày 16/11/2014. Trường hợp chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giao cháu Châm cho chị N nuôi dưỡng và giao cháu Hải cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

\* Tại biên bản xác minh với đại diện chính quyền địa phương thì đại diện chính quyền địa phương cho biết như sau: Chị N và anh Q có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Nghĩa Hưng. Sau khi kết hôn, chị N và anh Q sinh sống cùng nhà với bố mẹ và vợ chồng em trai anh Q. Khoảng 2 năm nay thì chị N và anh Q xảy ra mâu thuẫn, chị N mang cả 02 con chung về quê ngoại sinh sống, nguyên nhân vì sao địa phương không nắm được. Địa phương không thấy việc anh Q sử dụng ma túy, anh Q cũng không bị cơ quan nào xử phạt hành chính về việc sử dụng trái phép chất ma túy. Anh Q và chị N có 02 con chung. Địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

\* Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Huyền Châm và Nguyễn Thanh Hải, các cháu đều trình bày có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, không mở phiên họp hòa giải do chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho chị N vắng mặt và đều có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng xử cho chị N được ly hôn anh Q; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Huyền Châm, sinh ngày 24/8/2011 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Nguyễn Thanh Hải, sinh ngày 16/11/2014 cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con : Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Lê Thị N cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình cụ thể là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, do bị đơn anh Q cư trú tại thôn Sỏi, xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của nguyên đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của nguyên đơn vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang vào ngày 25/2/2011 nên xác định quan hệ hôn nhân của chị N, anh Q là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Cả chị N và anh Q đều xác định trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Bản thân anh Q xác định vẫn còn tình cảm với chị N, anh chị đã có 02 con chung nên anh không đồng ý ly hôn. Chị N

xác định chị không còn tình cảm với anh Q và kiên quyết xin ly hôn, không có mong muốn hàn gắn tình cảm với anh Q. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng sống chung thủy, yêu thương tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt, nhưng hôn nhân của chị N và anh Q không đạt được mục đích đó. Vợ chồng sống ly thân 02 năm nay, không quan tâm tới nhau khiến tình cảm vợ chồng bị xa cách, không có khả năng đoàn tụ. Anh Q không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp khắc phục nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị N kiên quyết xin ly hôn, do đó Tòa án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

[3]. Về con chung: Chị N và anh Q đều thừa nhận, quá trình chung sống với nhau anh chị có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Huyền Châm, sinh ngày 24/8/2011 và Nguyễn Thanh Hải, sinh ngày 16/11/2014. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung; anh Q có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thanh Hải. HĐXX xét thấy: nguyện vọng của chị N và anh Q là chính đáng của người làm cha làm mẹ. Cả chị N và anh Q hiện nay đều có công việc, thu nhập ổn định. Chị N đang đi làm công nhân công ty may ở gần nhà, mức thu nhập bình quân 8.000.000đ - 10.000.000đ/tháng; anh Q làm thợ xây, thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng. Mặc dù cả cháu Châm và cháu Hải đều có nguyện vọng ở với mẹ nhưng việc giao cho một mình chị N nuôi cả hai con sẽ không đảm bảo được việc chăm sóc các con, mặt khác để cho anh Q có điều kiện gần gũi, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, cũng như để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và nhu cầu chính đáng của cha mẹ đối với con chưa thành niên nên HĐXX quyết định giao con chung là Nguyễn Thị Huyền Châm cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung Nguyễn Thanh Hải cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

Chị N, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, 235, Điều 328, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huyền C hăm, sinh ngày 24/8/2011 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Thanh Hải, sinh ngày 16/11/2014 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị N, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012914 ngày 03/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Tiên Lục;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vũ Thị Thiêm**